

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BGDDĐT-GDPT

V/v báo cáo kết quả triển khai Học bạ số giáo dục  
phổ thông năm học 2025-2026

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2026

Kính gửi: Các Sở Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã ban hành hệ thống văn bản hướng dẫn nhằm chuẩn hóa việc triển khai Học bạ số<sup>1</sup>. Theo đó, từ năm học 2025-2026, Học bạ số sẽ chính thức được áp dụng đồng bộ đối với tất cả các cơ sở giáo dục phổ thông trên phạm vi cả nước.

Nhằm đánh giá kết quả triển khai Học bạ số trên toàn quốc tính đến thời điểm hiện tại và chuẩn bị cho việc đồng bộ dữ liệu về Cơ sở dữ liệu của Bộ GDĐT (chậm nhất ngày 20/8/2026), Bộ GDĐT đề nghị các Sở GDĐT xây dựng Báo cáo công tác triển khai thực hiện Học bạ số năm học 2025-2026 theo Đề cương báo cáo (Phụ lục đính kèm); Thực hiện cập nhật số liệu trực tuyến qua đường link hoặc mã QR được cung cấp tại Phụ lục.

Báo cáo bằng văn bản gửi về Bộ GDĐT (qua Vụ Giáo dục Phổ thông) trước ngày **25/4/2026**, đồng thời gửi bản mềm qua địa chỉ email: [vugdpt@moet.gov.vn](mailto:vugdpt@moet.gov.vn).

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị liên hệ Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền, Vụ Giáo dục Phổ thông, điện thoại: 0975498998 để được hướng dẫn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Quyền Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT.TTr Phạm Ngọc Thường (để báo cáo);
- Các Cục: KHCNTT, GDNNGDTH (để biết);
- Lưu: VT, Vụ GDPT.

**TL. BỘ TRƯỞNG  
VỤ TRƯỞNG VỤ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG****Thái Văn Tài**

<sup>1</sup> Bộ GDĐT ban hành Quyết định số 3016/QĐ-BGDĐT ngày 25/11/2025 quy định chuẩn hóa định dạng dữ liệu Học bạ số, tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai chính thức và khai thác hiệu quả dữ liệu trên phạm vi toàn quốc. Đồng thời, Bộ GDĐT ban hành Công văn số 7802/BGDĐT-GDPT ngày 27/11/2025 về việc hướng dẫn thực hiện Học bạ số đối với Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên năm học 2025-2026

# **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

## **PHỤ LỤC**

### **ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Công tác triển khai thực hiện Học bạ số đối với giáo dục phổ thông**  
(Kèm theo Công văn số ~~1446~~ <sup>1446</sup>/BGDDT-GDPT ngày ~~27~~ <sup>27</sup> tháng 3 năm 2026 của Bộ GDĐT)

## **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

1. Việc tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo, bố trí nguồn lực, kinh phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ triển khai Học bạ số.
2. Việc ban hành các văn bản hướng dẫn, kế hoạch, quy chế quản lý, khai thác và sử dụng Học bạ số của Sở GDĐT đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn.
3. Công tác tuyên truyền, quán triệt chủ trương thực hiện Học bạ số đến cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh. Công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện Học bạ số.

## **II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN (Tính đến thời điểm báo cáo)**

### **1. Công tác chuẩn bị hạ tầng kỹ thuật và tập huấn**

- Kết quả rà soát, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật (mạng, trang thiết bị, máy tính, phần mềm...) triển khai Học bạ số. Nêu rõ số lượng/tỷ lệ các cơ sở giáo dục chưa đảm bảo điều kiện hạ tầng kỹ thuật.
- Kết quả tổ chức tập huấn kỹ năng quản lý, sử dụng, khai thác Học bạ số cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (Nêu rõ số lượng, tỷ lệ % người tham gia).

### **2. Công tác cấp phát và sử dụng chữ ký số**

- Tình hình phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ cấp phát chứng thư chữ ký số chuyên dùng cho cán bộ, giáo viên theo Nghị định số 68/2024/NĐ-CP; việc trang bị cho GV chứng thư chữ ký số của các nhà cung cấp khác.
- Thống kê tỷ lệ % cán bộ quản lý, giáo viên đã được cấp và sử dụng thành thạo chữ ký số.

### **3. Kết quả tạo lập và đồng bộ Học bạ số**

- Thống kê chi tiết theo từng cấp học (Tiểu học, THCS, THPT, GDTX) về:
  - + Số lượng/tỷ lệ trường học đã thực hiện tạo lập Học bạ số.
  - + Số lượng/tỷ lệ hồ sơ Học bạ số của học sinh được tạo lập thành công theo chuẩn định dạng dữ liệu quy định tại Quyết định số 3016/QĐ-BGDĐT.
  - + Khả năng kết nối, liên thông dữ liệu Học bạ số với Cơ sở dữ liệu của Bộ GDĐT và ứng dụng VNeID.

#### **4. Việc sử dụng Học bạ số trong giải quyết thủ tục hành chính**

- Tại cấp trường: Kết quả ứng dụng Học bạ số thay thế học bạ giấy trong các hoạt động nghiệp vụ và TTHC nội bộ cơ sở giáo dục (ví dụ: đánh giá định kỳ, xét lên lớp, xét hoàn thành chương trình, thủ tục chuyển trường đối với học sinh...).

- Tại cấp Sở/Địa phương: Tình hình khai thác, sử dụng Học bạ số trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, Cổng Dịch vụ công của tỉnh/thành phố (ví dụ: thủ tục tuyển sinh đầu cấp, xét công nhận tốt nghiệp, cấp bản sao học bạ, giải quyết các TTHC liên thông tại địa phương...).

- Tại cấp Quốc gia: Việc tích hợp, tra cứu và sử dụng dữ liệu Học bạ số trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia và ứng dụng VNeID phục vụ người dân, cơ quan quản lý (ví dụ: cung cấp minh chứng điện tử thay thế giấy tờ vật lý, sử dụng dữ liệu cho các kỳ thi cấp quốc gia, tuyển sinh đại học/cao đẳng...)

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC**

1. Những mặt đạt được và hiệu quả bước đầu của việc triển khai Học bạ số.

2. Những khó khăn, vướng mắc:

- Về thể chế, chính sách, hành lang pháp lý.
- Về hạ tầng kỹ thuật, đường truyền, phần mềm (đặc biệt tại các vùng khó khăn).
- Về kinh phí triển khai và cơ chế hỗ trợ duy trì hệ thống.
- Về công tác cấp phát chữ ký số và kỹ năng công nghệ thông tin của giáo viên.

### **IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố (về kinh phí, cơ chế hỗ trợ,...).
2. Kiến nghị với Bộ Giáo dục và Đào tạo (về kỹ thuật, phần mềm, chính sách,...).
3. Kiến nghị với các bộ, ngành liên quan (Ban Cơ yếu Chính phủ, Bộ Công an,...).

*Mã QR cập nhật số liệu*



<https://qr.cd.org/9qpR>